**TRƯỜNG THCS THANH LẠC**

**BẢNG 1: MA TRẬN + ĐẶC TẢ MỨC ĐỘ ĐÁNH GIÁ TỔNG THỂ GIỮA HK II MÔN TOÁN-LỚP 9**

**(BẢNG NÀY LẬP VÀ LƯU TRONG MÁY ĐỂ DÙNG TẠO RA BẢNG 2 KHI CẦN RA ĐỀ)**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT****(1)** | **Chương/****Chủ đề****(2)** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức****(3)** | **Mức độ đánh giá****(4)** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | **Tổng % điểm****(13)** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Chủ đề 1:****Hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn** | **Nội dung 1:****Giải hệ phương trình, giải bài toán bằng cách lập phương trình .** | **Nhận biết**– Nhận biết được khái niệm phương trình bậc nhất hai ẩn, hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn.– Nhận biết được khái niệm nghiệm của hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn. | **1**(0,5) **1**(0,5) |  |  |  |  |  |  |  | **10%** |
| **Thông hiểu:**– Tính được nghiệm của hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn bằng máy tính cầm tay. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Vận dụng:**– Giải được hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn.– Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn ***(đơn giản, quen thuộc)*** gắn với hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn (ví dụ: các bài toán liên quan đến cân bằng phản ứng trong Hoá học,...). |  |  |  |  |  | **1**(1,0)**1**(1,0) |  |  | **20%** |
|  | **Vận dụng cao:**– Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn ***(phức hợp, không quen thuộc)*** gắn với hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn. |  |  |  |  |  |  |  | 1(0,5) | **5%** |
| **2** | **Chủ đề 2:****Hàm số và đồ thị** | ***Nội dung*** ***Hàm số y = ax2*(*a* ≠ 0) *và đồ thị*** | **Nhận biết:**Nhận biết được tính đối xứng (trục) và trục đối xứng của đồ thị hàm số *y* = *ax*2 (*a* ≠ 0). | **1**(0,5) |  |  |  |  |  |  |  | **5%** |
| **Thông hiểu:**Thiết lập được bảng giá trị của hàm số *y* = *ax*2 (*a* ≠0). |  |  | **1**(0,5) | **1**(0,5) |  |  |  |  | **10%** |
| **Vận dụng:**-Vẽ được đồ thị của hàm số *y* = *ax*2 (*a* ≠0).-Tìm tọa độ giao điểm bằng phép tính. |  |  |  |  |  | **1**( 0,5)**1**( 0,5) |  |  | **10%** |
| **Vận dụng cao:**Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với hàm số *y*=*ax*2(*a*≠0) và đồ thị (ví dụ: các bài toán liên quan đến chuyển động trong Vật lí,...). |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Chủ đề3:** **Góc với đường tròn** | **Nội dung 1:*****Góc ở tâm, góc nội tiếp*** | **Nhận biết**– Nhận biết được góc ở tâm, góc nội tiếp. | **1**( 0,5) |  |  |  |  |  |  |  | **5%** |
| **Thông hiểu**– Giải thích được mối liên hệ giữa số đo của cung với số đo góc ở tâm,số đo góc nội tiếp.– Giải thích được mối liên hệ giữa số đo góc nội tiếp và số đo góc ở tâm cùng chắn một cung. |  |  |  | **1**(1,0) |  |  |  |  | **10%** |
|  | **Nội dung 2:*****Tứ giác nội tiếp*** | **Nhận biết**– Nhận biết được tứ giác nội tiếp đường tròn. | **1**( 0,5) |  |  |  |  |  |  |  | **5%** |
| **Thông hiểu**– Giải thích được định lí về tổng hai góc đối của tứ giác nội tiếp bằng 180o.– Xác định được tâm và bán kính đường tròn ngoại tiếp hình chữ nhật, hình vuông. |  |  |  | **1**(1,0)Hình 0,25 |  |  |  |  | **12,5%** |
| **Vận dụng**– Tính được độ dài cung tròn, diện tích hình quạt tròn, diện tích hình vành khuyên (hình giới hạn bởi hai đường tròn đồng tâm).– Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn ***(đơn giản, quen thuộc)*** gắn với đường tròn .– Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn ***(đơn giản, quen thuộc)*** gắn với đường tròn (ví dụ: một số bài toán liên quan đến chuyển động tròn trong Vật lí; tính được diện tích một số hình phẳng có thể đưa về những hình phẳng gắn với hình tròn, chẳng hạn hình viên phân,...). |  |  |  |  |  | **1**(0,75) |  |  | **7,5%** |
|  |  | **Vận dụng cao**– Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn ***(phức hợp, không quen thuộc)*** gắn với đường tròn. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng** |  | 5 | 0 | 1 | 3 | 0 | 5 | 0 | 1 | 15 |
| **Tỉ lệ %** |  | **25%** | **27,5%** |  **42,5%** | **5%** | **100%** |
| **Tỉ lệ chung** |  | **52,5%** | **47,5%** | **100%** |

**BẢNG 2: MA TRẬN + ĐẶC TẢ MỨC ĐỘ ĐÁNH GIÁ CỤ THỂ GIỮA HK II MÔN TOÁN-LỚP 9**

**(CHỈ CÓ BẢNG NÀY MỚI PHẢI ĐƯA VÀO TRONG GIÁO ÁN)**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT****(1)** | **Chương/****Chủ đề****(2)** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức****(3)** | **Mức độ đánh giá****(4)** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | **Tổng % điểm****(13)** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Chủ đề 1:****Hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn** | **Nội dung 1:****Giải hệ phương trình, giải bài toán bằng cách lập phương trình .** | **Nhận biết** – Nhận biết được khái niệm phương trình bậc nhất hai ẩn, hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn. Câu 1– Nhận biết được khái niệm nghiệm của hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn. Câu 2 | **1**(0,5) **1**(0,5) |  |  |  |  |  |  |  | **10%** |
| **Thông hiểu:**– Tính được nghiệm của hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn bằng máy tính cầm tay. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Vận dụng:**– Giải được hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn. Câu 7a– Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn ***(đơn giản, quen thuộc)*** gắn với hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn (ví dụ: các bài toán liên quan đến cân bằng phản ứng trong Hoá học,...). Câu 7b |  |  |  |  |  | **1**(1,0)**1**(1,0) |  |  | **20%** |
|  | **Vận dụng cao:**– Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn ***(phức hợp, không quen thuộc)*** gắn với hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn. Câu 7c |  |  |  |  |  |  |  | 1(0,5) | **5%** |
| **2** | **Chủ đề 2:****Hàm số và đồ thị** | ***Nội dung*** ***Hàm số y = ax2*(*a* ≠ 0) *và đồ thị*** | **Nhận biết:**Nhận biết được tính đối xứng (trục) và trục đối xứng của đồ thị hàm số *y* = *ax*2 (*a* ≠ 0). Câu 3 | **1**(0,5) |  |  |  |  |  |  |  | **5%** |
| **Thông hiểu:**Thiết lập được bảng giá trị của hàm số *y* = *ax*2 (*a* ≠0).Câu 4, câu 8a |  |  | **1**(0,5) | **1**(0,5) |  |  |  |  | **10%** |
| **Vận dụng:**-Vẽ được đồ thị của hàm số *y* = *ax*2 (*a* ≠0). Câu 8b-Tìm tọa độ giao điểm bằng phép tính. Câu 8c |  |  |  |  |  | **1**( 0,5)**1**( 0,5) |  |  | **10%** |
| **Vận dụng cao:**Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với hàm số *y*=*ax*2(*a*≠0) và đồ thị (ví dụ: các bài toán liên quan đến chuyển động trong Vật lí,...). |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Chủ đề3:****Góc với đường tròn** | **Nội dung 1:*****Góc ở tâm, góc nội tiếp*** | **Nhận biết** – Nhận biết được góc ở tâm, góc nội tiếp. Câu 5 | **1**( 0,5) |  |  |  |  |  |  |  | **5%** |
| **Thông hiểu**– Giải thích được mối liên hệ giữa số đo của cung với số đo góc ở tâm, số đo góc nội tiếp.– Giải thích được mối liên hệ giữa số đo góc nội tiếp và số đo góc ở tâm cùng chắn một cung. |  |  |  | **1**(1,0) |  |  |  |  | **10%** |
|  | **Nội dung 2:*****Tứ giác nội tiếp*** | **Nhận biết**– Nhận biết được tứ giác nội tiếp đường tròn. Câu 6 | **1**( 0,5) |  |  |  |  |  |  |  | **5%** |
| **Thông hiểu**– Giải thích được định lí về tổng hai góc đối của tứ giác nội tiếp bằng 180o. Câu 9a– Xác định được tâm và bán kính đường tròn ngoại tiếp hình chữ nhật, hình vuông. Câu 9b |  |  |  | **2**(1,0)Hình 0,25 |  |  |  |  | **12,5%** |
| **Vận dụng**– Tính được độ dài cung tròn, diện tích hình quạt tròn, diện tích hình vành khuyên (hình giới hạn bởi hai đường tròn đồng tâm). Câu 9c– Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn ***(đơn giản, quen thuộc)*** gắn với đường tròn .– Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn ***(đơn giản, quen thuộc)*** gắn với đường tròn (ví dụ: một số bài toán liên quan đến chuyển động tròn trong Vật lí; tính được diện tích một số hình phẳng có thể đưa về những hình phẳng gắn với hình tròn, chẳng hạn hình viên phân,...). |  |  |  |  |  | **1**(0,75) |  |  | **7,5%** |
|  |  | **Vận dụng cao**– Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn ***(phức hợp, không quen thuộc)*** gắn với đường tròn. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng** |  | 5 | 0 | 1 | 3 | 0 | 5 | 0 | 1 | 15 |
| **Tỉ lệ %** |  | **25%** | **27,5%** |  **42,5%** | **5%** | **100%** |
| **Tỉ lệ chung** |  | **52,5%** | **47,5%** | **100%** |

**BẢNG 3: MA TRẬN ĐÁNH GIÁ GIỮA HK II MÔN TOÁN-LỚP 9**

**(DÙNG ĐỂ CUNG CẤP TRƯỚC KHI KIỂM TRA CHO HS – NẾU CẦN)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT****(1)** | **Chương/****Chủ đề****(2)** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức****(3)** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | **Tổng % điểm****(13)** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Chủ đề 1:****Hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn** | Nội dung 1:Giải hệ phương trình, giải bài toán bằng cách lập phương trình **.** | **2**(1,0) |  |  |  |  |  |  |  | **10%** |
|  |  |  |  |  | **2**(2,0) |  |  | **20%** |
|  |  |  |  |  |  |  | **1**(0,5) | **5%** |
| **2** | **Chủ đề 2:****Hàm số và đồ thị** | *Nội dung**Hàm số y = ax2*(*a* ≠ 0) *và đồ thị* | **1**(0,5) |  |  |  |  |  |  |  | **5%** |
|  |  | **1**(0,5) | **1**(0,5) |  |  |  |  | **10%** |
|  |  |  |  |  | **2**( 1) |  |  | **10%** |
|  | **Chủ đề3:****Góc với đường tròn** | Nội dung 1:*Góc ở tâm, góc nội tiếp* | **1**( 0,5) |  |  |  |  |  |  |  | **5%** |
|  |  |  | **1**(1,0) |  |  |  |  | **10%** |
|  | Nội dung 2:*Tứ giác nội tiếp* | **1**( 0,5) |  |  |  |  |  |  |  | **5%** |
|  |  |  | **2**(1,0)Hình 0,25 |  |  |  |  | **12,5%** |
|  |  |  |  |  | **1**(0,75) |  |  | **7,5%** |
| **Tổng** | 5 | 0 | 1 | 3 | 0 | 5 | 0 | 1 | 15 |
| **Tỉ lệ %** | **25%** | **27,5%** |  **42,5%** | **5%** | **100%** |
| **Tỉ lệ chung** | **52,5%** | **47,5%** | **100%** |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS…………** | **ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I – MÔN TOÁN LỚP 7****Thời gian làm bài: 90 phút** |

**I. Trắc nghiệm khách quan (3,0 điểm)** *Em hãy chọn phương án trả lời đúng cho các câu hỏi sau.*

**Câu 1.** Trong các hệ pt sau hệ nào là hệ pt bậc nhất 1 ẩn?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.**  | **B.** | **C.**  | **D.**  |

**Câu 2.** Đâu là nghiệm của hệ phương trình 

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.**  | **B.** | **C.**  | **D.**  |

**Câu 3.** Đồ thị hàm số  có trục đối xứng là

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** Trục hoành | **B.** Trục Ox | **C.** Trục Oy | **D.** Khồng có trục đối xứng |

**Câu 4.** Tìm điểm có tọa độ thuộc đồ thị hàm số 

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.**  | **B.** | **C.**  | **D.**  |

**Câu 5.** Trong một đường tròn, điều nào sau đây sai?

 **A.** Các góc nội tiếp bằng nhau chắn các cung bằng nhau.

 **B.** Các góc nội tiếp cùng chắn các một cung thì bằng nhau.

 **C.** Các góc nội tiếp chắn các cung bằng nhau thì bằng nhau.

 **D.** Góc nội tiếp có số đo bằng nửa số đo của góc ở tâm cùng chắn một cung.

**Câu 6.** Một tứ giác là tứ giác nội tiếp nếu:

 **A.** Có hai đỉnh cùng nhìn một cạnh dưới hai góc bằng nhau.

 **B.** Có bốn góc bằng nhau.

 **C.** Có bốn cạnh bằng nhau.

 **D.** Có các cạnh tiếp xúc với đường tròn.

**II.Tự luận (7,0 điểm)**

**Câu 7. (2,5 điểm)**

 a.Tìm nghiệm của phương trình: 

 b. Tháng thứ nhất, hai tổ sản xuất được 1000 chi tiết máy. Tháng thứ hai tổ I vượt mức 20% và tổ II vượt mức 15% so với tháng thứ nhất. Vì vậy hai tổ đã sản xuất được 1170 chi tiết máy. Hỏi tháng thứ hai, mỗi tổ sản xuất được bao nhiêu chi tiết máy ?

 c.Cho hệ phương trình: 

Với giá trị nào của m thị hệ đã cho có một nghiệm duy nhất ?

**Câu 8.** **(1,5 điểm)** Cho hàm số (1)

 a. Điền số vào bảng giá trị sau

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| x | -2 | -1 | 0 | 1 | 2 |
|  |  |  |  |  |  |

 b. Vẽ đồ thị hàm số đã cho.

 c. Tìm tọa độ giao điểm của đồ thị hàm số (1) với đường thẳng .

**Câu 9.** **(3,0 điểm)**

 a. Em hãy giải thích định lí tổng số đo 2 góc đối của tứ giác nội tiếp bằng 180o? *(cóvẽ hình minh họa)*

 b. Cho hình chữ nhật ABCD có AB =4 cm, BC =3 cm. Hình chữa nhật ABCD có phải là tứ giác nội tiếp không? Nếu có hãy xác định tâm và tính độ dài bán kính đường tròn ngoại tiếp.

|  |  |
| --- | --- |
|  c. Cho hình vẽ biết tam giác ABC vuông tại A có AB=10m, góc B = 60 o. Tính tổng diện tích phần bôi đen ( hình viên phân ) |  |

**---HẾT---**

**HDC ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I – MÔN TOÁN LỚP 7**

**I. Trắc nghiệm(Mỗi câu đúng được 0,5 điểm)**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1. A** | **2.C** | **3.B** | **4.D** | **5.D** | **6.A** |

**II. Tự luận**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nôi dung** | **Điểm** |
| **Câu 7** | a. Vậy hpt đã cho có nghiệm duy nhất (x;y)=(3;2) | 0,250,250,250,25 |
| b. Gỉa sử, tháng thứ nhất tổ 1 sản xuất được a chi tiết máy, tổ 2 sản xuất được b chi tiết máy . Theo giả thiết, tháng thứ nhất, hai tổ sản xuất được 1000 chi tiết máy, nên ta có phương trình Tháng thứ hai, tổ 1 vượt mức 20% tức là làm được  chi tiết máy, tổ 2 vượt mức 15%, tức là làm được , khi đó ta có phương trình Từ (1) và (2) ta có hệ phương trình Vậy, tháng thứ hai, tổ 1 sản xuất đươc 400. 120% = 480 chi tiết máy. Tổ 2 là 1170-480=690  | 0,250,250,250,25 |
| c.  hoặc Hệ (1) có nghiệm duy nhất khi các đường thẳng đồng quyTọa độ giao điểm của  là nghiệm của hệ Khi đó, hệ (1) có nghiệm duy nhất  | 0,250,25 |
| **Câu 8** | a.

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| x | -2 | -1 | 0 | 1 | 2 |
|  | 2 | 0,5  | 0 | 0,5 | 2 |

 | 0,5 |
| b. Căn cứ vào bảng giá trị câu a suy ra đồ thị hs đã cho là đường parabol đi qua các điểm ( tọa độ thuộc bảng a)Vẽ đúng đồ thị  | 0,250,25 |
| c. Xét pt hoành độ giao điểm suy ra tọa độ giao điểm của 2 đồ thị lần lượt là (0,0) và ( 2;2) | 0,250,25 |
| **Câu 9** | a. Vẽ hìnhGiải thích được định lí thông qua góc nt | 0,251,0 |
| b. xác định được tâm O là giao điểm 2 đường chéoxác định được bán kính theo pitago  | 0,250,50,5 |
| c.  | 0,250,250,25 |